

Số: 2288/QĐ-CAT-PV01

Kon Tum, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Kon Tum

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH

Căn cứ Thông tư số 37/2024/TT-BCA ngày 08/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 9312/QĐ-BCA ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an;

Căn cứ Kế hoạch số 154/KH-CAT-PV01 ngày 22/1/2024 của Công an tỉnh về việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong Công an tỉnh năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 385/KH-CAT-PV01 ngày 07/02/2024 của Công an tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Tham mưu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an tỉnh Kon Tum (Có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng Công an huyện, thành phố; Trưởng Công an cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- V03 (để b/c);
- Như Điều 3 (để th/h)
- Lưu: VT, PV01(PC).



Đại tá Lê Xuân Thủy

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÔNG AN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2288 /QĐ-CAT-PV01 ngày 31 /12/2024 của Công an tỉnh Kon Tum)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	Đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.000328	Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024) - Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ - Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ - Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và	Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
2	1.000374	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng			Nt
3	1.000519	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng			Nt
4	1.000962	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng			Nt
5	1.000445	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao			Nt
6	1.000731	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao			Nt

7	1.000723	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	công cụ hỗ trợ	Nt
8	1.000428	Cấp Giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao			Nt
9	1.002785	Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao			Nt
10	1.002777	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng			Nt
11	1.000554	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp			Nt
12	1.000537	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp			Nt
13	1.000515	Cấp Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ			Nt
14	1.000498	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ			Nt
15	1.000484	Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ			Nt
16	1.000468	Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ			Nt
17	2.000152	Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ			Nt
18	1.000332	Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ			Nt
19	1.000331	Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ			Nt
20	1.000330	Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy		- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày	Nt

		chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	29/6/2024) - Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ		
21	1.000326	Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ - Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ		Nt
22	1.000325	Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ - Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ		Nt
B	Thủ tục hành chính cấp xã				
1	1.000078	Khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày	Quản lý vũ khí, vật	Công an cấp xã

			29/6/2024) - Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ - Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ	liệu nổ và công cụ hỗ trợ	
--	--	--	--	---------------------------	--

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	1.000323	Đề nghị đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	Đề nghị đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và cấp, cấp đổi giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024) - Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ - Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật	Quản lý vũ	Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
2	1.000317	Cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ				
3	1.000308	Cấp, cấp đổi chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ				

		vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ		Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ - Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ - Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ
4	1.000313	Cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	Cấp lại Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ		
5	1.000117	Cấp lại chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ			

4. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	1.000505	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

2	1.000727	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	Nt
3	1.000720	Cấp giấy phép sử dụng vũ khí thô sơ	Nt
4	1.000717	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ	Nt
5	1.000197	Cấp đổi Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	Nt
6	1.000335	Cấp Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ	Nt
7	1.000334	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ	Nt